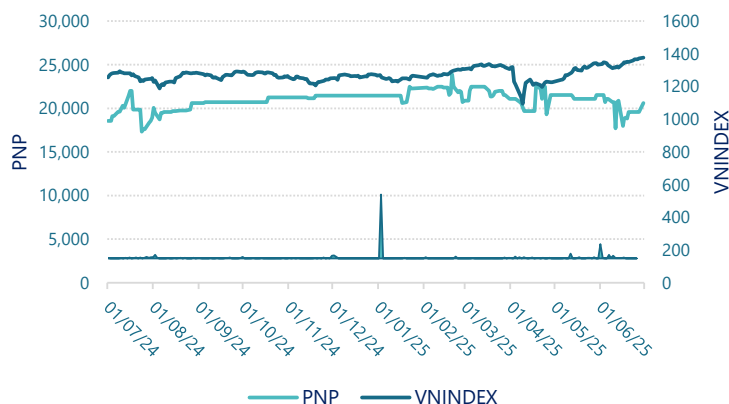


CTCP Tân Cảng - Phú Hữu (UPCOM: PNP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	22,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,875
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,321
SL cổ phiếu LH	16,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	555
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	354
P/E	8.4
EPS	2,613

DT thuần

Q2/25

90.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.70 | 12.1%

YoY: ▲ 4.00 | 4.6%

LN sau thuế

Q2/25

11.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.70 | 16.7%

YoY: ▲ 0.90 | 8.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

17.5%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

6T 2025

170

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 8.00 | -4.0%

LN sau thuế

6T 2025

21.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.90 | -4.0%

ROE

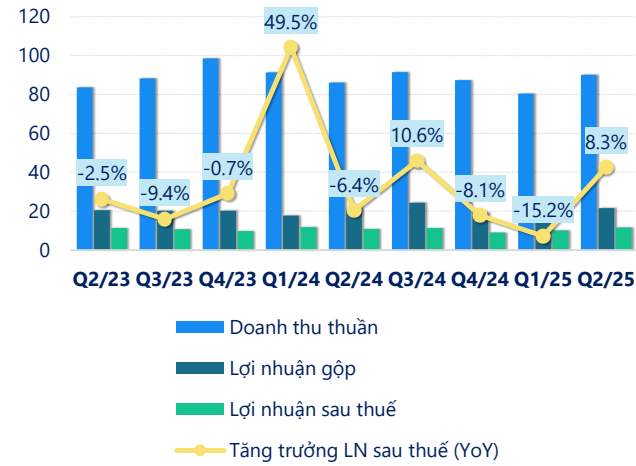
Q2/25

18.1%

+/- YoY: ▼ 2.2%

tỷ VNĐ

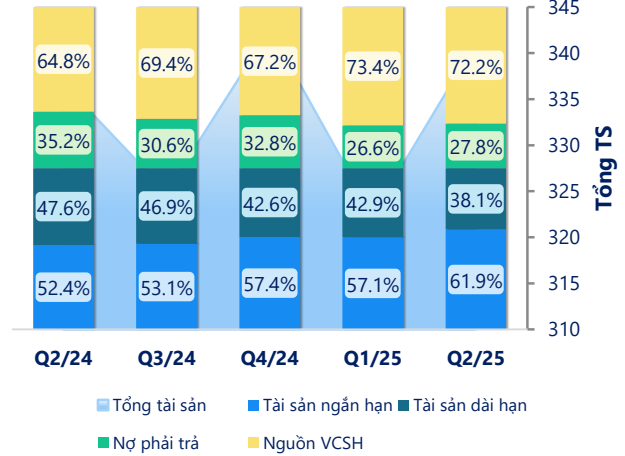
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

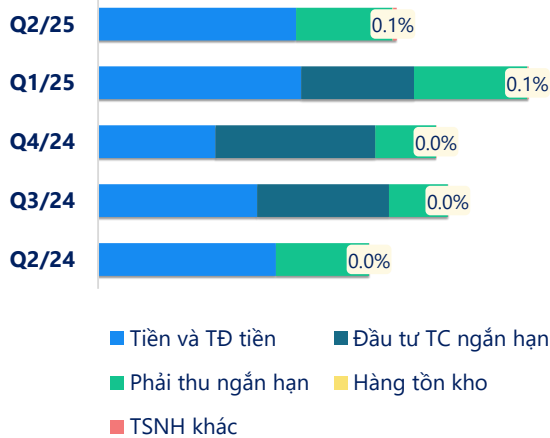
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



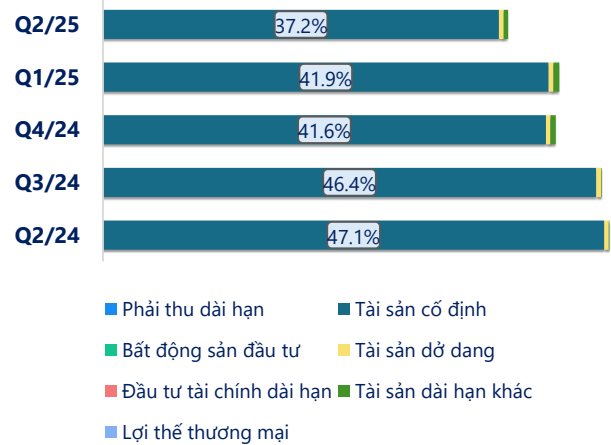
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

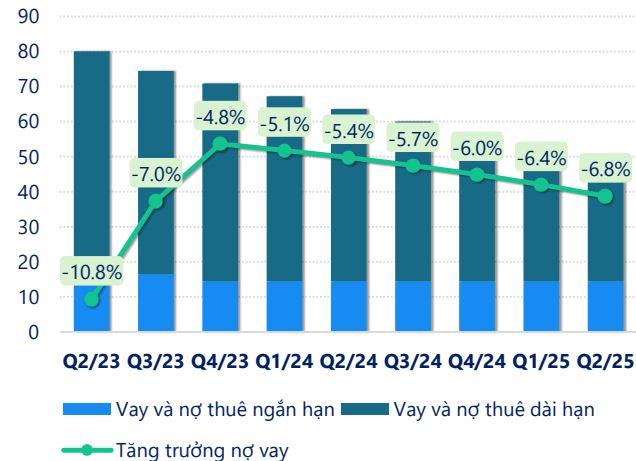
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

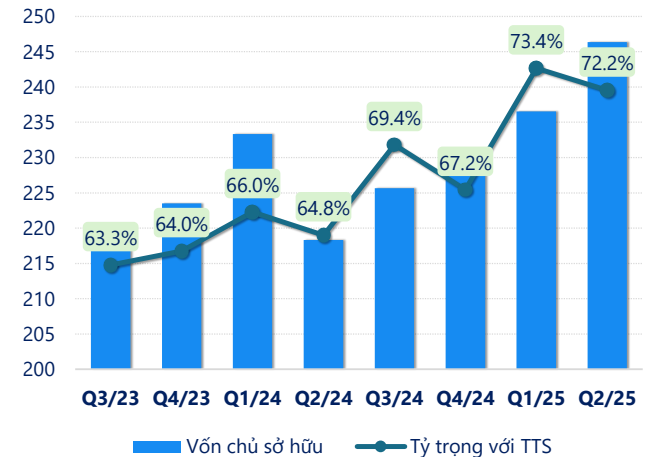
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

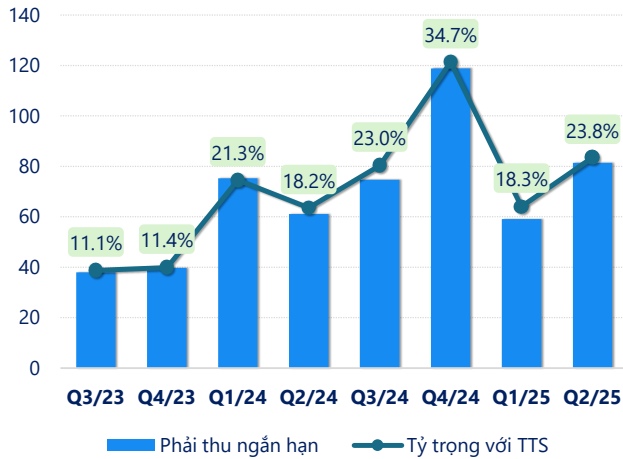
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


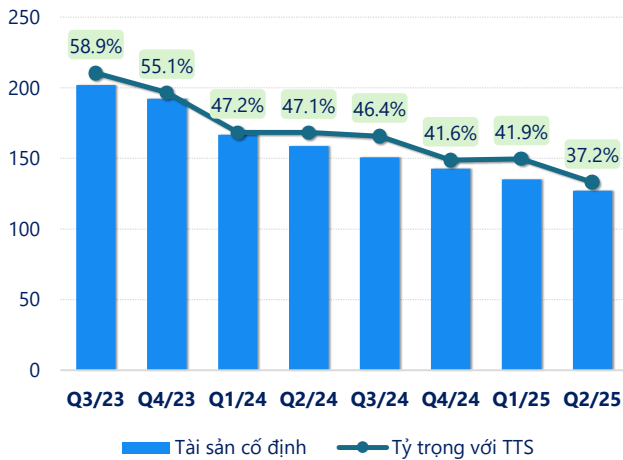
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

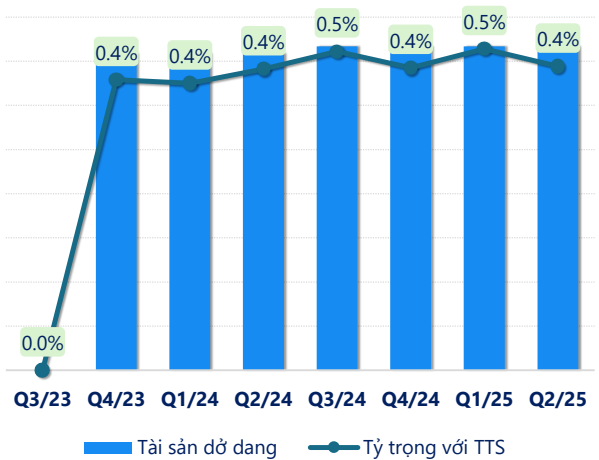

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

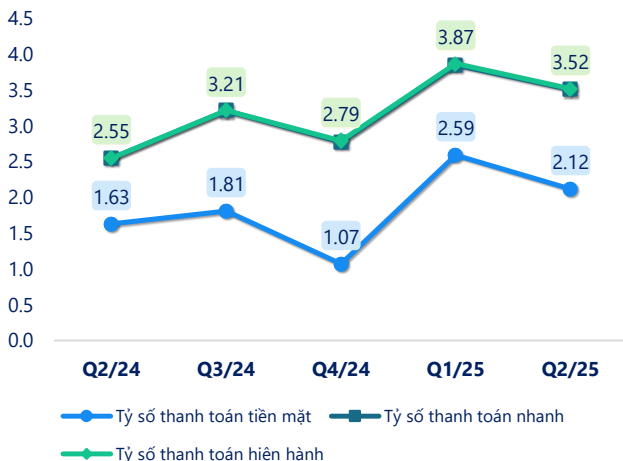
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

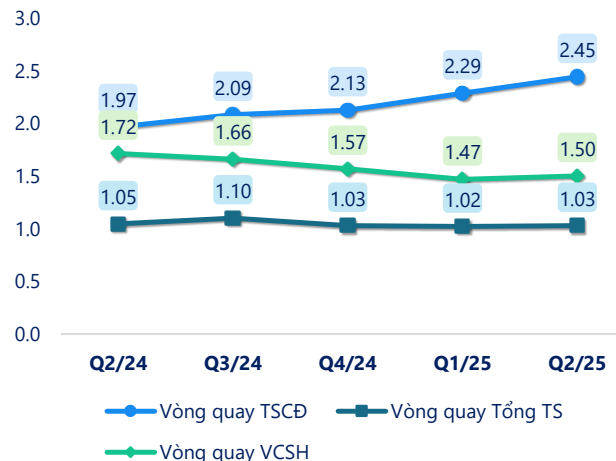
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	337	325	343	322	341
Tài sản ngắn hạn	176	173	197	184	211
Tiền và tương đương tiền	113	97.2	75.5	123	127
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0.26
Phải thu ngắn hạn	61.1	74.6	119	59.1	81.4
Hàng tồn kho	0.29	0.29	1.14	0.99	0.76
Tài sản ngắn hạn khác	2.26	0.53	1.25	0.83	1.69
Tài sản dài hạn	160	152	146	138	130
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	159	151	143	135	127
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.44	1.47	1.47	1.47	1.47
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.20	0.18	1.73	1.85	1.49
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	118	99.3	112	85.9	94.7
Nợ ngắn hạn	69.2	53.7	70.5	47.6	60.0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.4	14.4	14.4	14.4	14.4
Phải trả người bán ngắn hạn	12.2	12.9	36.1	18.7	17.7
Nợ dài hạn	49.2	45.6	42.0	38.3	34.7
Vay và nợ thuê dài hạn	49.2	45.6	42.0	38.3	34.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	218	226	230	237	246
Vốn chủ sở hữu	218	226	230	237	246
Vốn điều lệ	161	161	161	161	161
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)